

Số: 1372 /QĐ-KTNNHà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2023**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển
Kỳ thi tuyển dụng công chức Kiểm toán nhà nước năm 2023

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước ngày 24 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-KTNN ngày 14/3/2023 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc phê duyệt Đề án tuyển dụng công chức năm 2023 của Kiểm toán nhà nước, Quyết định số 901/QĐ-KTNN ngày 26/6/2023 và Quyết định số 1110/QĐ-KTNN ngày 24/8/2023 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc điều chỉnh Đề án tuyển dụng công chức Kiểm toán nhà nước năm 2023;

Căn cứ kết quả chấm điểm vòng 2 kỳ thi tuyển dụng công chức Kiểm toán nhà nước năm 2023, kết quả chấm phúc khảo vòng 2 kỳ thi tuyển dụng công chức Kiểm toán nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng công chức Kiểm toán nhà nước năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển dụng công chức Kiểm toán nhà nước năm 2023 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng công chức Kiểm toán nhà nước năm 2023, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lãnh đạo KTNN;
- Hội đồng TDCC;
- Lưu: VT, TCCB (05).

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**Ngô Văn Tuấn**

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Ban hành theo Quyết định số 4312/QĐ-KTNN ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển dụng công chức Kiểm toán nhà nước năm 2023)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	SBD	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Vị trí đăng ký dự thi	Kết quả thi	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng Long	21/01/2001	0080	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	60	
2	Nguyễn Việt Nam	31/8/2000	0095	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	54	
3	Trần Quang Lâm	29/9/2001	0076	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Tổng hợp	53	
4	Nguyễn Hải Bình	08/02/1995	0015	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	Vụ Pháp chế	70	
5	Phạm Quốc Toàn	02/3/1999	0128	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, kinh doanh quốc tế	Vụ Hợp tác quốc tế	70	
6	Phạm Bùi Cẩm Anh	09/10/1994	0012	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	KTNN chuyên ngành Ib	64,5	
7	Phạm Quốc Huy	06/01/1992	0059	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	KTNN chuyên ngành Ib	61,5	
8	Hoàng Minh Khuê	03/10/1999	0071	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	KTNN chuyên ngành II	58	
9	Trần Việt Hà	08/7/2000	0040	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	KTNN khu vực I	69	



28

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	SBD	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Vị trí đăng ký dự thi	Kết quả thi	Ghi chú
10	Nguyễn Thị Hồng Lam	25/02/1998	0073	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	KTNN khu vực I	50	
11	Đào Mạnh Nghĩa	12/8/1998	0097	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	KTNN khu vực III	53	
12	Phan Nguyễn Thiện Mỹ	03/10/1995	0089	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	KTNN khu vực III	51	
13	Lưu Vĩnh Tâm	28/8/1994	0117	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IV	69	
14	Đoàn Trần Trọng Nhân	26/01/1998	0102	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IV	68	
15	Nguyễn Ngọc Hải	15/6/1993	0041	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	KTNN khu vực IV	62	
16	Nguyễn Gia Đôn	01/7/1999	0030	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	66	
17	Bùi Đức Thắng	27/5/1996	0122	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	KTNN khu vực VI	63	
18	Nguyễn Ngô Phương Nam	18/5/1991	0094	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	KTNN khu vực IX	51	
19	Phan Thế Anh	09/02/1997	0013	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XII	68	
20	Ngô Minh Đạt	22/01/1999	0028	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XII	68	
21	Nguyễn Nam Anh	18/02/1998	0010	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XII	52	
22	Dương Khắc Đông	15/10/1994	0031	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XII	51	

STT	Họ và tên	Ngày, năm tháng, năm sinh	SBD	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Vị trí đăng ký dự thi	Kết quả thi	Ghi chú
23	Trần Minh Đức	28/01/1996	0032	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XII	51	
24	Nguyễn Võ Tiến	14/7/1997	0127	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XII	50,5	
25	Lê Hoàng Giang	01/8/1992	0033	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	51	
26	Nguyễn Đức Đình Huân	15/01/1988	0052	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	51	
27	Nguyễn Tuấn Hùng	28/9/1999	0056	Kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh	KTNN khu vực XIII	51	
28	Nguyễn Hữu Việt	28/6/1990	0176	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	Vụ Pháp chế	51	
29	Vũ Quân	08/4/1998	0168	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	KTNN khu vực III	53	
30	Trần Trung Kiên	08/6/1987	0160	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	KTNN khu vực VI	55	
31	Ngô Yến Linh	07/3/2000	0162	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	KTNN khu vực VI	54,5	
32	Nguyễn Chiến Thắng	22/3/1992	0170	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	KTNN khu vực VI	50,5	
33	Lê Trọng Tạo	04/8/1991	0169	XD dân dụng và công nghiệp, kinh tế XD, giao thông, công trình thủy lợi, kiến trúc	KTNN khu vực XII	61,5	

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	SBD	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Vị trí đăng ký dự thi	Kết quả thi	Ghi chú
34	Lê Minh Hằng	13/3/1997	0178	Luật kinh tế, Luật Hành chính	Vụ Pháp chế	55,75	
35	Nguyễn Ánh Linh	05/11/1997	0180	Luật kinh tế, Luật hành chính	KTNN khu vực VI	50,5	
36	Hoàng Minh Quân	02/6/2000	0183	Luật kinh tế, Luật hành chính	KTNN khu vực VI	50,5	
37	Vũ Trường Huy	09/4/2001	0189	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	KTNN chuyên ngành II	65	
38	Đinh Thị Hà	01/10/1990	0186	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	KTNN chuyên ngành II	55	
39	Đặng Vũ Quý Đặc	28/7/1999	0185	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	KTNN chuyên ngành III	65	
40	Vũ Huy Huân	30/9/2000	0188	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	KTNN chuyên ngành III	55	
41	Nguyễn Minh Ngọc	23/9/1992	0192	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	KTNN chuyên ngành III	55	
42	Bùi Anh Tuấn	22/8/1997	0194	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	KTNN khu vực VI	60	
43	Tăng Thị Kiều Loan	12/8/1994	0191	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường	KTNN khu vực VI	55	